

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 24/5/2022

"V/v tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt H1.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hải Đăng.

Ông Lục Viết Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê H Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đ1 diện V kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên V kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 24/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 3 năm 2021 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lê Thị T1**, sinh năm 1957. Có mặt

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bà Lê Thị T1 ủy quyền cho ông **Hoàng Văn Q**, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đồng Công, xã Vũ Xá, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1964. Có mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Lê Thị Ng**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà **Lê Thị Ng1**, sinh năm 1969. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Ông **Nông Văn Đ1**, sinh năm 1944. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
5. Anh **Nông Văn V**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
6. Chị **Nông Thị Y1**, sinh năm 1975. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
7. Anh **Nông Văn Th1**, sinh năm 1976. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh **Nông Văn H1**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
9. Anh **Nông Văn Đ3**, sinh năm 1983. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 147/11/15/7 Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 3, khu phố 9, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
10. Chị **Nông Thị Y3**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
Địa chỉ: 1D, Ô 6, khu B, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
11. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
Do ông Nguyễn Văn Quý - Phó trưởng phòng Tài nguY1 và môi trường huyện Y là Đ1 diện theo ủy quyền. (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
12. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản Trại Hạ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.
13. Bà **Trần Phạm Như Ng3**, sinh năm 1978. (ủy quyền cho ông Đ)
14. Cháu **Lê Nguyệt A**, sinh năm 2005. (ủy quyền cho ông Đ)
Cùng địa chỉ: Số nhà 215F, ấp Bình Thạch, xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguY1 đơn là bà Lê Thị T1 trình bày:

Bố mẹ bà là Lê Quốc Mễ, sinh năm 1927 và Nông Thị Phấn sinh năm 1927 sinh được 6 người con gồm Lê Thị Th4 (đã chết), Lê Thị T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Thị Ng, Lê Thị Ng1. Ngoài ra, bố mẹ bà không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi và con ngoài giá thú nào khác. Bà Thúy chết năm 2016, cH bà Thúy là ông Nông Văn Đ1 và 7 người con gồm Nông Văn Viên, Nông Thị Y1, Nông Văn Th1, Nông Thị Oanh, Nông Văn H1, Nông Văn Đ3 và Nông Thị Y3. Khi bố mẹ còn sống có tạo dựng được khối tài sản chung là thửa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích ban đầu 4741m², sau đo đạc lại diện tích là 5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Bố bà chết năm 2011, mẹ bà chết năm 2018; Khi chết bố mẹ bà không để lại di chúc gì. Toàn bộ diện tích đất do bố mẹ bà để lại từ khi bố mẹ

chết đến nay đều do ông Đ quản lý, sử dụng. Nay bà yêu cầu tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ bà là thửa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích ban đầu 4741m², sau đo đạc lại diện tích là 5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế theo quy định pháp luật. Phần của bà được hưởng thì bà xin được hưởng bằng đất. Đối với phần đất bà được hưởng mà có cây cối lâm lộc trên đất do ông Đ trồng từ trước thì bà đồng ý trả cho ông Đ bằng tiền giá trị tài sản trên phần đất bà được hưởng theo giá của Hội đồng định giá đã định giá. Về việc lo mai táng phí và chi phí cải táng bà không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông xác nhận phần trình bày của bà T1 về phần tên tuổi năm sinh năm mất và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mẽ, cụ Phấn, hàng thừa kế Th1 vị của bà Lê Thị Thúy là đúng. Ông xác nhận khối tài sản khi bố mẹ ông còn sống tạo dựng được gồm nhiều thửa đất và đã chia cho các con, còn lại thửa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích ban đầu 4741m², sau đo đạc lại diện tích là 5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì bố mẹ ông đã chia cho ông từ năm 2001. Do ông đi công tác xa nên đến năm 2006 mới về và đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất trên được cấp giấy chứng nhận lần đầu mang tên hộ ông Lê Quốc Mẽ vào ngày 12/10/2001. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào năm 2006, cấp đổi năm 2016. Ông xác định thửa đất này là đất T1ộc quyền sở hữu hợp pháp của ông được Nhà nước công nhận từ năm 2006. Vì vậy thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107 không phải là di sản thừa kế do bố mẹ ông để lại nên ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1. Ông không đồng ý chia thửa đất đã T1ộc quyền sở hữu của ông cho các đồng thừa kế.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H, bà Lê Thị Ng và bà Lê Thị Ng1 đều thống nhất trình bày:

Ông H, bà Ng, bà Ng1 đều xác nhận phần trình bày của bà T1, ông Đ về phần tên tuổi năm sinh năm mất và hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mẽ, cụ Phấn, hàng thừa kế Th1 vị của bà Lê Thị Thúy là đúng.

Khi còn sống cụ Mẽ, cụ Phấn có khối tài sản gồm thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện tại toàn bộ diện tích đất này do ông Lê Văn Đ quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006 và cấp đổi năm 2016.

Ông H kết hôn năm 1985 và ra ở riêng năm 1987, sau khi ở riêng thì vợ cH ông có được bố mẹ chia cho một diện tích đất và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T1 cũng đã được bố mẹ chia cho một diện tích đất như các anh chị em khác nhưng bà T1 đã chuyển nhượng cho người khác. Bà Ng1, bà Ng đều kết hôn từ những năm 1988, 1990 nên không có ý kiến hay công sức gì đối với khối tài sản do bố mẹ để lại.

Nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang thì ông H, bà Ng, bà Ng1 đều xác định diện tích đất này bố mẹ đã chia cho ông Đ và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ những năm 2006. Việc ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cả nhà ai cũng biết nhưng không ai phản đối, thậm chí do ông Đ công tác xa nên bà T1 còn là người làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ. Nay ông H, bà Ng, bà Ng1 đều không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với diện tích đất này. Các ông bà xác định diện tích đất này đã T1ộc quyền sở hữu của ông Đ chứ không phải di sản thừa kế nữa nên không yêu cầu chia và không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T1, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Phạm Như Ng3 trình bày: Bà là người gốc Bến Tre, năm 2005 bà kết hôn với ông Lê Văn Đ sinh được 01 con chung là cháu Lê Ng3 Anh, sinh năm 2005. Từ khi kết hôn đến nay bà và con gái đều sinh sống trong Bến Tre nên không có công sức gì đối với việc hình thành, tôn tạo đất cũng như các tài sản trên đất. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Lê Ng3 Anh trình bày: Cháu sinh ra và lớn lên ở Bến Tre, vài năm mới ra quê nội ở Đ chơi một vài ngày, cháu không có công sức gì đối với việc hình thành, tôn tạo đất cũng như các tài sản trên đất nên không có yêu cầu hay đề nghị gì trong vụ án này.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn Đ1 trình bày: Ông là chồng bà Lê Thị Thúy, bà Thúy chết năm 2016. Bà Thúy là con gái của cụ Mễ và cụ Phán. Cụ Mễ chết năm 2011, cụ Phán chết năm 2018. Khi còn sống ông được biết cụ Mễ, cụ Phán có tạo dựng được một số tài sản, trong đó có thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m². Ông được biết thửa đất này cụ Mễ, cụ Phán đã tặng cho ông Đ và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006. Ông cho rằng thửa đất này T1ộc quyền sở hữu của ông Đ chứ không phải di sản thừa kế. Ông không yêu cầu và không có ý kiến gì trong vụ án này.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nông Văn V, Nông Thị Y1, Nông Văn Th1, Nông Thị Oanh, Nông Văn H1, Nông Văn Đ3 và Nông Thị Y3 đều thống nhất trình bày: Ông bà ngoại của anh chị là cụ Lê Quốc Mễ, sinh năm 1927 chết năm 2011, Nông Thị Phán, sinh năm 1927 chết năm 2018. Cụ Mễ, cụ Phán sinh được 6 người con là: Lê Thị Thúy (đã chết năm 2016), Lê Thị T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Thị Ng, Lê Thị Ng1.

Ông bà ngoại chết không để lại di chúc. Khi còn sống ông bà ngoại của anh chị có khối tài sản gồm thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa

chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được biết toàn bộ diện tích đất này do ông Lê Văn Đ quản lý, sử dụng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2006 và cấp đổi năm 2016.

Nay bà T1 yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất tại thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho các đồng thừa kế. Theo Luật dân sự hiện hành quy định về quyền thừa kế thì các anh chị là con của mẹ Lê Thị Thúy (đã chết) sẽ được hưởng phần di sản thừa kế của mẹ được hưởng từ ông bà ngoại. Tuy nhiên, anh V, chị Y1, anh Th1, chị Oanh, anh H1, anh Đ3 và chị Y3 đều xác định diện tích đất này ông bà ngoại đã tặng cho ông Lê Văn Đ và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với diện tích đất này. Anh V, chị Y1, anh Th1, chị Oanh, anh H1, anh Đ3 và chị Y3 xác định diện tích đất này đã T1ộc quyền sở hữu của ông Đ chứ không phải di sản thừa kế nữa nên không yêu cầu chia và xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này. Anh Viên, chị Y1, anh Th1, chị Oanh, anh H1, anh Đ3 và chị Y3 đều không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T1. Trường hợp các anh chị được hưởng di sản thừa kế của ông bà ngoại để lại thì các anh chị đều xin nhận bằng đất và đề nghị được giao lại cho ông Đ được hưởng kỷ phần của mình.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Y do ông Nguyễn Văn Quý Đ1 diện theo ủy quyền và UBND xã Đ trình bày:

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Quốc Mễ:

Thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có nguồn gốc là thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11, diện tích 4741m², được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Quốc Mễ ngày 12/10/2001 theo Quyết định số 316/UBND - (H).

Năm 2001 Nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trên địa bàn huyện, UBND xã Đ thực hiện các thủ tục xét duyệt, công khai và cấp Giấy chứng nhận QSD đất không có khiếu nại tranh chấp, phù hợp quy hoạch, đề nghị cấp Giấy CNQSD đất diện tích 4741m².

Căn cứ bản đồ địa chính xã Đ, các giấy tờ có trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất, đối chiếu với các quy định Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho hộ ông Lê Quốc Mễ là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, cấp đổi cho ông Lê Văn Đ:

Căn cứ các giấy tờ có trong hồ sơ cấp giấy CNQSD đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y cung cấp, đối chiếu với các quy định Luật Đất đai

và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Anh Đ (Lê Văn Đ) và bà Trần Phạm Như Ng3 là chưa đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Trên cơ sở đơn xin đăng ký biến động đất đai đề ngày 27/02/2005 và đơn xin chứng thực sự việc được UBND xã Đ xác nhận ngày 08/3/2005 của ông Lê Anh Đ; Căn cứ giấy chuyển quyền sở hữu đất đai tài sản của ông Lê Quốc Mễ, bà Nông Thị Phấn cho ông Lê Văn Đ đề ngày 16/7/2001 do ông Đ cung cấp tại Tòa án; Căn cứ biên bản về việc thẩm tra hồ sơ biến động đất đai chuyển quyền sử dụng cho con trai đề ngày 11/3/2006. Ngày 04/4/2006 UBND huyện Y ban hành Quyết định số 751/QĐ-UBND về việc cho phép tách thửa, chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 11, diện tích 4741m² chuyển từ chủ sử dụng Lê Quốc Mễ sang Lê Anh Đ.

Tuy nhiên Theo qui định tại Điều 131, các điều từ Điều 705 đến Điều 707 và Điều 711 của Bộ luật Dân sự 1995, khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 31 của Luật Đất đai năm 1993 và khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127, khoản 1 Điều 146 của Luật Đất đai năm 2003, thì các giao dịch về chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất chỉ được khi hợp đồng đó có đầy đủ các điều kiện sau đây: Đất chuyển nhượng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 1987, Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003;

Theo đó, trong hồ sơ đăng ký biến động không có văn bản thể hiện việc tặng cho quyền sử dụng đất, căn cứ vào văn bản do ông Đ cung cấp thì tại thời điểm ông Mễ, bà Phấn tặng cho ông Đ quyền sử dụng đất khi ông Mễ và bà Phấn chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì việc tặng cho này không đảm bảo theo quy định.

Căn cứ Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Việc UBND huyện Y cấp GCNQSD đất cho hộ Lê Anh Đ (cấp đổi cho ông Lê Văn Đ) là chưa đúng trình tự, thủ tục quy định. Đề nghị Tòa án huyện Y giải quyết vụ án chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/8/2021, Hội đồng định giá tài sản xác định giá trị đối với các tài sản đang tranh chấp như sau:

- Đối với đất: Diện tích 5093,5m² như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ.

- Phân định giá: Đất ở tại nông thôn 720m² x 1.500.000 đồng/m² = 1.080.000.000 đồng.

Đất trồng cây lâu năm: 4373,2 m² x 200.000 đồng/m² = 874.640.000 đồng.

* Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không tự thỏa Tlận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Các đương sự trong vụ án nhất trí với kết quả đo đạc thực tế, kết quả định

giá và không có ý kiến gì.

* Tại phiên tòa nguY1 đơn, bị đơn có mặt giữ nguY1 quan điểm đã trình bày.

* Đ1 diện V kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguY1 đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết:

Áp dụng Điều 631; 634 BLDS 2005 và Điều 609, 612 Bộ luật dân sự 2015; khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 165 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T1.

2. Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị T1 phải chịu 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền 4.700.000 đồng bà T1 đã nộp tạm ứng trước. Bà T1 đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà T1 không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà Lê Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: NguY1 đơn bà Lê Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản của bố mẹ để lại sau khi chết nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang và không có yếu tố nước ngoài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án T1ộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Lê Quốc Mễ chết ngày 09/4/2011, cụ Nông Thị Phán chết ngày 07/8/2018. Ngày 24/02/2021, bà Lê Thị T1 nộp đơn khởi kiện

tại Tòa án yêu cầu chia di sản của bố mẹ bà để lại nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Y, UBND xã Đ, Lê Thị Ng1, ông Lê Văn H, ông Nông Văn Đ1, anh Nông Văn V, Nông Thị Y1, Nông Văn Th1, Nông Thị Oanh, Nông Văn H1, Nông Văn Đ3 và Nông Thị Y3 vắng mặt và một số người liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[5] Về hàng thừa kế và di sản thừa kế:

- Cụ Lê Quốc Mễ và cụ Nông Thị Phấn sinh được 06 người con, bao gồm: Lê Thị Thúy (đã chết), Lê Thị T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Thị Ng, Lê Thị Ng1. Ngoài ra, cụ Mễ, cụ Phấn không có người con nuôi, con ngoài giá thú nào khác, các đương sự đều không có tranh chấp gì về hàng thừa kế nên xác định những người T1ộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mễ, cụ Phấn gồm: Lê Thị Thúy (đã chết), Lê Thị T1, Lê Văn H, Lê Văn Đ, Lê Thị Ng, Lê Thị Ng1.

Bà Lê Thị Thúy chết trước cụ Nông Thị Phấn nên hàng thừa kế Th1 vị của bà Thúy gồm 7 người con: Nông Văn V, Nông Thị Y1, Nông Văn Th1, Nông Thị Oanh, Nông Văn H1, Nông Văn Đ3 và Nông Thị Y3.

- Di sản thừa kế đang có tranh chấp là: Thửa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích 5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[6] Về Yêu cầu khởi kiện: Bà Lê Thị T1 yêu cầu tòa án phân chia di sản là khối tài sản gồm thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện tại toàn bộ diện tích đất này do ông Lê Văn Đ quản lý, sử dụng và đã được UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ khởi kiện: Bà T1 cho rằng khi bố mẹ bà là cụ Lê Quốc Mễ và cụ Nông Thị Phấn chết không để lại di chúc đối với khối tài sản này. Bà T1 thừa nhận bà là người đi làm thủ tục để ông Lê Văn Đ được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên ông Đ chỉ được quản lý, sử dụng diện tích đất này cho đến khi bố mẹ chết sau đó phải có trách nhiệm chia cho các anh chị em trong gia đình. Bị đơn ông Lê Văn Đ cho rằng các tài sản này do cụ Mễ và cụ Phấn khi còn sống đã tặng cho toàn bộ cho ông nên không đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà T1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T1. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo biên bản xác minh tại UBND xã Đ, lời khai của các đương sự và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận lần đầu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y xác định: Cụ Lê Quốc Mễ và cụ Nông Thị Phấn khi còn sống có khối tài sản là thửa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích ban đầu 4741m², sau đó đặc lại diện tích là

5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Toàn bộ diện tích đất này cụ Mễ và cụ phản đã sử dụng ổn định từ trước khi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2001 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Quốc Mễ. Tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu trong hộ khẩu gia đình chỉ có cụ Mễ và cụ phản, không còn người nào khác nên xác định đây là tài sản của cụ Mễ, cụ Phản. Tuy nhiên, khi còn sống cụ Mễ, cụ Phản đã làm thủ tục tặng cho bị đơn Lê Văn Đ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn Đ theo quan điểm của UBND xã Đ cũng như quan điểm của UBND huyện Y cho rằng chưa đúng trình tự thủ tục vì không có hợp đồng tặng cho giữa cụ Lê Quốc Mễ và ông Lê Văn Đ. Tuy nhiên căn cứ vào đơn xin đăng ký biến động đất đai đề ngày 27/02/2005 và đơn xin chứng thực sự việc được UBND xã Đ xác nhận ngày 08/3/2005 của ông Lê Anh Đ cũng như Biên bản thẩm tra hồ sơ biến động đất đai của Phòng Tài nguY1 và Môi trường huyện Y đều xác định hồ sơ đã đầy đủ, đủ điều kiện và phù hợp với quy hoạch.

Xét về bản chất nội dung sự việc thì thấy rằng: Bên tặng cho có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đầy đủ quyền sở hữu đối với tài sản tặng cho, bên nhận tặng cho đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc tặng cho giữa cụ Mễ, cụ Phản cho ông Đ là có hiệu lực pháp luật. Ngày 04/4/2006 UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 453957, số vào sổ cấp giấy GCNQSDĐ 01953-QĐ số 751/QĐ-UBND cho ông Đ. Năm 2016 do có chính sách đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính nên ông Lê Văn Đ đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay, giấy chứng nhận này đang có hiệu lực pháp luật và cơ quan có thẩm quyền chưa T1 hồi hay hủy giấy chứng nhận này cho nên thửa đất này hiện nay T1ộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Lê Văn Đ.

Kể từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2006 cũng như sau này được cấp đổi giấy chứng nhận và năm 2016, ông Đ quản lý sử dụng toàn bộ diện tích mảnh đất này không phát sinh tranh chấp. Khi còn sống cụ Mễ và cụ Phản cũng như các anh chị em của ông Đ cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người thừa kế T1ộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Lê Văn H, Lê Thị Ng, Lê Thị Ng1 và lời khai của những người thừa kế Th1 vị của bà Thúy gồm: Nông Văn V, Nông Thị Y1, Nông Văn Th1, Nông Thị Oanh, Nông Văn H1, Nông Văn Đ3 và Nông Thị Y3. Trong lời khai của mình tất cả những người này đều xác nhận toàn bộ thửa đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cụ Mễ và cụ Phản tặng cho ông Lê Văn Đ và ông Đ đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tất cả những người này đều không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T1 xác nhận bà là người đã đi làm thủ tục để sang tên từ cụ Lê Quốc Mễ cho ông Lê Văn Đ đối với toàn bộ diện tích đất trên. Tuy nhiên bà T1 cho rằng ông Đ chỉ được quyền quản lý sử dụng mảnh đất trên, sau này khi cụ Mễ và cụ Phấn chết, ông Đ phải có trách nhiệm chia thừa kế cho các anh chị em trong gia đình. Việc bà T1 trình bày như trên nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó cần xác định đất số 82, tờ bản đồ số 107, diện tích 5093,2m² ở địa chỉ bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã được cụ Mễ và cụ Phấn định đoạt trước khi chết bằng hình thức tặng cho ông Lê Văn Đ. Do vậy đây không phải là di sản thừa kế để phân chia theo yêu cầu của Bà Lê Thị T1.

Yêu cầu khởi kiện của nguY1 đơn bà Lê Thị T1 không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Đối với chi phí lo mai táng phí và chi phí cải táng mộ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền 4.700.000 đồng, bà Lê Thị T1 đã nộp, do yêu cầu khởi kiện của bà T1 không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu toàn bộ 4.700.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận bà T1 đã nộp đủ số tiền này.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T1 T1ộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T1, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Khoản 1 Điều 157; Khoản 1 Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 214; Điều 215; Điều 631, Điều 634, Điều 635, Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 685 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 609, Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T1, nộp án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Không chấp yêu cầu khởi kiện của nguY1 đơn bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là: Thừa đất số 82, tờ bản đồ 107 diện tích 5093,5m² tại bản C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: bà Lê Thị T1 phải chịu 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng được trừ số tiền

4.700.000 đồng bà T1 đã nộp tạm ứng trước. Bà T1 đã nộp đủ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuY1 án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang;
- V kiểm sát nhân dân huyện Y;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử Toà án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt H1